

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

Bảng các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Bảng các Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia trình bày Báo cáo này cùng với các tài liệu đính kèm để được xem xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 20

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch	Hồ sơ đăng ký số: 28/05/2012
Ông Nguyễn Chí Dũng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Đinh Thanh Phong	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên	Gđ nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Lương Tân	Ủy viên	Hồ sơ đăng ký số: 28/05/2012

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 như sau:

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2012
Bà Đào Ngọc Hà	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	

CÁC SỰ VIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Thay nhân định của Ban Giám đốc, xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012 và Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch tiếng Anh : National Securities Joint Stock Company.

Tên viết tắt : NSI., JSC

Trụ sở chính : Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Chí Dũng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Hoàn Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Trịnh Thanh Phong	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Lương Tân	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2012

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09/01/2012
Bà Đinh Nguyệt Hà	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Công ty



Bùi Thị Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Số. 435 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành soát xét tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc soát xét đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến giới hạn do Công ty theo dõi tiền gửi của nhà đầu tư và tiền gửi của Công ty trên tài khoản tổng và chưa thực hiện xác nhận số dư khoản phải trả khác tại ngày 31/12/2011 với số tiền 1.482.164.242 đồng. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá số dư công nợ phải trả khác và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Ý kiến soát xét

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu số B 01a-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.419.950.632	15.552.628.010
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.993.172.559	1.532.920.628
1. Tiền	111		31.993.172.559	1.532.920.628
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	11.085.875	370.908.125
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.617.684	3.903.869.534
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(21.531.809)	(3.532.961.409)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.968.238.581	13.638.379.590
1. Phải thu khách hàng	131		-	1.279.058.985
2. Trả trước cho người bán	132		30.800.000	129.834.120
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.3	4.934.913.613	12.124.958.832
5. Phải thu khác	138		2.524.968	104.527.653
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		447.453.617	10.419.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	259.747.617	4.800.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	187.706.000	5.619.667
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.139.913.022	6.076.590.849
(200 = 220+260)				
II- Tài sản cố định	220		2.893.553.494	3.877.916.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	926.250.463	1.335.771.124
- Nguyên giá	222		6.694.690.683	6.694.690.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.768.440.220)	(5.358.919.559)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.967.303.031	2.542.145.602
- Nguyên giá	228		4.566.780.074	4.566.780.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.599.477.043)	(2.024.634.472)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.246.359.528	2.198.674.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	443.834.622	530.423.318
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.9	1.659.688.706	1.525.414.605
4. Tài sản dài hạn khác	268		142.836.200	142.836.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		42.559.863.654	21.629.218.859

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu số B 01a-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		24.209.453.808	5.552.373.669
I- Nợ ngắn hạn	310		24.204.746.073	5.547.665.934
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.000.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	56.981.988	35.960.677
5. Phải trả người lao động	315		18.894.400	18.894.400
6. Chi phí phải trả	316	5.11	44.444.444	32.135.746
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.12	24.009.866.882	4.457.876.985
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		70.928.951	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		3.449.831	2.618.549
II- Nợ dài hạn	330		4.707.735	4.707.735
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.707.735	4.707.735
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.350.409.846	16.076.845.190
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	18.350.409.846	16.076.845.190
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(32.398.069.625)	(34.671.634.281)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		42.559.863.654	21.629.218.859

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Chỉ tiêu	TM	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
6. Chứng khoán lưu ký - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		191.294.173.000	205.742.999.000

Người lập

Phạm Thị Chiến

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu số B 02a-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
1. Doanh thu	01		6.803.386.044	1.813.908.529
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.378.754.673	868.278.702
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		57.767.750	445.087.580
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.636.363.636	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		136.562.363	16.827.727
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		294.145.660	-
- Doanh thu khác	01.9		1.299.791.962	483.714.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		6.803.386.044	1.813.908.529
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1.416.745.179	3.864.409.635
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	20		5.386.640.865	(2.050.501.106)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.14	3.113.076.209	5.096.535.147
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+25)	30		2.273.564.656	(7.147.036.253)
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	872.737
10. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	(872.737)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.273.564.656	(7.147.908.990)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		2.273.564.656	(7.147.908.990)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.16	455	(1.430)

Người lập

Phạm Thị Chiến

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu số B 03a-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
		4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.273.564.656	(7.147.908.990)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	984.363.232	1.154.933.627
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.175.117.099)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.082.810.789	(5.992.975.363)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.981.501.468	(1.428.682.597)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2.698.376.492)	2.230.985.349
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(168.358.921)	421.981.612
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.416.703.906.643	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.394.441.231.556)	(734.461.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.460.251.931	(5.503.152.476)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(150.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(2.796.854.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	6.472.058.575
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	-	421.100.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	3.946.304.983
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	30.460.251.931	(1.556.847.493)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.532.920.628	6.583.601.783
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31.993.172.559	5.026.754.290

Người lập

phoet

Phạm Thị Chiến

Kế toán trưởng

phoet

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009 và Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trần Việt Anh	4.500.000	45.000.000.000	90,0%
Ông Nguyễn Lương Tân	250.000	2.500.000.000	5,0%
Ông Ngô Đức Vũ	250.000	2.500.000.000	5,0%
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100%

Số lao động bình quân: 20 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 là tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

<u>6 tháng</u>
<u>năm 2012</u>
Số năm
03 - 07
03 - 05

Máy móc thiết bị
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 05 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phản ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-CTCK

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	155.835.493	23.874.761
Tiền gửi ngân hàng	31.218.218.063	1.495.711.535
- Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	23.641.833.674	1.379.158.587
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	619.119.003	13.334.332
Tổng	31.993.172.559	1.532.920.628

o cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

Đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán				So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường			
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại														
- Cổ phiếu														
ANV		-												-
BHS	6		75.660	75.660	32.940	28.740	-						108.600	104.400
BMC	3	2	288.800	288.800	-	-	170.300	237.400					118.500	51.400
CIC	90	82	2.398.500	2.398.500	-	-	2.083.500	2.242.700					315.000	155.800
CTN	11	10	143.040	143.040	-	-	84.740	106.040					58.300	37.000
DHA	9	9	299.700	299.700	-	-	202.500	223.200					97.200	76.500
DHI	38	38	1.795.500	1.795.500	-	-	1.670.100	1.643.500					125.400	152.000
DRC	2	8	8.850	53.100	42.150	152.100	-	-					51.000	205.000
EBS	20	720	174.671	174.671	-	-	36.671	54.671					138.000	120.000
FBT	-	100.000	-	3.867.808.000	-	-	-	3.509.100.000					-	358.708.000
GMC	6	2.836	134.344	134.344	-	-	32.344	46.144					102.000	88.200
GTA	8	8	118.560	118.560	-	-	54.560	66.560					64.000	52.000
HAI	8	15	108.622	108.622	42.578	83.378	-	-					151.200	192.000
HAS	6	6	34.450	34.450	-	-	2.650	8.050					31.800	26.400
HAX	3	13	83.077	83.077	-	-	66.277	68.677					16.800	14.400
HBC	7	6	171.690	171.690	-	-	59.690	11.390					112.000	160.300
HNM	60	60	915.840	915.840	-	-	519.840	639.840					396.000	276.000
HPC	45	2.145	1.911.985	1.911.985	-	-	1.727.485	1.767.985					184.500	144.000
ITA	7	6	150.800	150.800	-	-	103.200	111.800					47.600	39.000
KDC	1	-	130.150	130.150	-	-	89.950	104.150					40.200	26.000
KHA	2	2	34.200	34.200	-	-	14.600	17.600					19.600	16.600
KHP	4	4	72.020	72.020	-	-	39.620	44.820					32.400	27.200
KLS	62	162	773.959	773.959	-	-	166.359	284.159					607.600	489.800
LAF	3	3	103.200	103.200	-	-	69.600	60.000					33.600	43.200
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	230.700	233.100					20.800	18.400
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	65.050	65.050					12.000	12.000
POT	9	209	176.594	176.594	-	-	78.494	106.394					98.100	70.200
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	249.348	273.148					72.800	49.000
PPG	90	900	-	-	468.000	297.000	-	-					468.000	297.000



NG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

MẪU B 09a-CTCK

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá trị tăng		Giảm		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2012		01/01/2012		30/06/2012		01/01/2012		30/06/2012		30/06/2012	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
PVT	2	12	56.833	56.833	-	-	-	-	47.033	50.633	9.800	6.200
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	-	-	47.600	70.200	65.000	42.400
REE	5	15	196.500	196.500	-	-	-	-	117.500	140.000	79.000	56.500
RIC	6	6	103.264	103.264	-	-	-	-	60.664	71.464	42.600	31.800
S55	96	96	1.926.144	1.926.144	473.856	-	-	-	-	630.144	2.400.000	1.296.000
S99	61	210	595.371	595.371	-	-	-	-	435.471	284.271	359.900	311.100
SAM	6	3	93.472	93.472	-	-	-	-	48.472	67.672	45.000	25.800
SAP	45	145	806.431	806.431	-	-	-	-	378.931	599.431	427.500	207.000
SD5	79	79	2.468.892	2.468.892	-	-	-	-	928.392	596.592	1.540.500	1.872.300
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	-	-	2.099.900	1.873.700	414.100	340.300
SD9	68	68	983.552	983.552	-	-	-	-	351.152	575.552	632.400	408.000
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	-	-	-	-	834.264	1.136.664	684.000	381.600
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	-	-	-	-	3.367.500	3.019.500	696.000	544.000
SJS	-	3.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
STB	7	157	176.748	176.748	-	-	-	-	21.348	71.048	155.400	105.700
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	-	-	-	588.000	702.000	504.000	390.000
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	-	-	35.694	36.894	32.400	31.200
TMC	12	12	232.380	232.380	-	-	-	-	101.580	124.380	130.800	108.000
TPH	12	12	-	-	60.000	-	-	-	-	-	60.000	-
UNI	7	7	105.448	105.448	-	-	-	-	44.548	78.848	60.900	26.600
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	-	-	-	-	1.641.084	673.040	924.000	1.078.000
VCB	6	30.546	585.068	585.068	-	-	-	-	409.868	454.268	175.200	130.800
VCS	70	98	-	-	2.768.044	-	-	-	-	2.329.600	854.000	1.070.000
VIC	3	13	122.273	122.273	131.227	176.227	-	-	-	-	253.500	298.500
VIP	1	11	19.588	19.588	-	-	-	-	13.088	15.388	6.500	4.200
VSP	62	162	2.153.742	2.153.742	-	-	-	-	2.142.142	1.843.742	111.600	310.000
VTS	62	40	917.570	917.570	74.430	24.830	-	-	-	-	992.000	942.600
1.464	227.476		32.617.684	3.903.869.534	4.093.225	762.275	21.531.809	3.532.961.409	15.179.100	371.670.400		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-CTCK

5.3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khách hàng ứng trước tiền mua chứng khoán (*)	2.530.579.357	2.497.585.832
<i>Trần Quốc Toàn</i>	1.084.152.901	2.273.126.833
<i>Trần Linh Chi</i>	506.537.943	-
<i>Trần Thị Thanh Loan</i>	268.065.683	-
<i>Dương Hồng Quang</i>	210.657.974	-
<i>Khác</i>	461.164.856	224.458.999
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	2.386.816.000	936.679.000
<i>Phạm Minh Hiền</i>	732.000.000	250.000.000
<i>Nguyễn Lan Hương</i>	-	114.492.480
<i>Hồ Thị Vân Anh</i>	308.500.000	-
<i>Lê Thanh Lân</i>	534.770.000	-
<i>Ninh Thị Minh Khuê</i>	356.430.000	-
<i>Khác</i>	455.116.000	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	17.518.256	8.690.694.000
Tổng	4.934.913.613	12.124.958.832

(*) Tiền ứng trước cho người mua trên cơ sở hợp đồng ứng trước tiền mua chứng khoán, giữa nhà đầu tư cá nhân có tài khoản chứng khoán tại Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tại ngày 1 tháng 1	4.800.000
Tăng	469.566.667
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	214.619.050
Tại ngày 30 tháng 6	259.747.617

Chi tiết theo nội dung

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phí QLTV trả cho Trung tâm lưu ký	153.833.333	-
Công cụ, dụng cụ	4.028.571	-
Phí chuyển phòng máy chủ	40.457.143	-
Phí hiển thị dữ liệu giao dịch trực tuyến	40.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.428.570	4.800.000
Tổng	259.747.617	4.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-CTCK

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	187.706.000	5.619.667
Tổng	187.706.000	5.619.667

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	4.180.294.488	2.514.396.195	6.694.690.683
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	4.180.294.488	2.514.396.195	6.694.690.683
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	3.822.792.215	1.536.127.344	5.358.919.559
Tăng trong kỳ	180.437.112	229.083.549	409.520.661
Khấu hao trong kỳ	180.437.112	229.083.549	409.520.661
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	4.003.229.327	1.765.210.893	5.768.440.220
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	357.502.273	978.268.851	1.335.771.124
Tại 30/06/2012	177.065.161	749.185.302	926.250.463

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.471.578.579 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 679.717.689 đồng.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	4.566.780.074	4.566.780.074
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2012	4.566.780.074	4.566.780.074
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	2.024.634.472	2.024.634.472
Tăng trong kỳ	574.842.571	574.842.571
Khấu hao trong kỳ	574.842.571	574.842.571
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2012	2.599.477.043	2.599.477.043
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2012	2.542.145.602	2.542.145.602
Tại 30/06/2012	1.967.303.031	1.967.303.031

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tại ngày 1 tháng 1	530.423.318
Tăng	120.290.000
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	206.878.696
Tại ngày 30 tháng 6	443.834.622

Chi tiết theo nội dung

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa TSCĐ	309.946.590	473.329.958
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.577.149	46.408.152
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.310.883	10.685.208
Tổng	443.834.622	530.423.318

5.9 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
Tiền nộp bổ sung	1.154.076.496	1.154.076.496
Tiền lãi phân bổ	185.683.203	51.409.102
Tổng	1.659.688.706	1.525.414.605

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	21.363.636
Thuế thu nhập cá nhân	56.981.988	14.597.041
Tổng	56.981.988	35.960.677

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước phí giao dịch và phí lưu ký tháng 12/2011	-	32.135.746
Thù lao HĐQT	44.444.444	-
Tổng	44.444.444	32.135.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-CTCK

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.317.148	17.117.148
Bảo hiểm xã hội	10.740.336	12.626.108
Bảo hiểm y tế	2.013.813	2.887.713
Bảo hiểm thất nghiệp	895.028	1.147.828
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.641.833.674	1.379.158.587
Các khoản phải trả, phải nộp khác	341.066.883	3.044.939.601
- Nguyễn Văn Hùng	-	1.200.000.000
- Nguyễn Chí Thành	297.667.000	297.667.000
- Nguyễn Văn Khoa	-	576.997.968
- Trần Thị Thu Thảo	-	335.111.233
- Trần Minh Hà	-	435.436.065
- Phạm Minh Hiền	-	66.950.250
- Tiền đặt cọc đầu giá	33.540.000	33.540.000
- Phải trả, phải nộp khác	9.859.883	99.237.085
Tổng	24.009.866.882	4.457.876.985

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3 Vốn chủ sở hữu

Mẫu B 09a-CTCK

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2011		01/01/2012		30/06/2011	
	1	2	Tăng	Giảm	30/06/2011	30/06/2012
A	1	2	3	4	5	6
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812	219.857.812	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	528.621.659	528.621.659	-	-	528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(29.941.975.214)	(34.671.634.281)	-	7.147.908.990	(37.089.884.204)	(32.398.069.625)
Tổng	20.806.504.257	16.076.845.190	-	7.147.908.990	13.658.595.267	18.350.409.846

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.058.798.201	1.674.514.087
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	30.830.749	128.671.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.070.037.190	1.197.800.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	857.154.520	2.024.235.800
Chi phí khác bằng tiền	96.255.549	71.313.505
Tổng	3.113.076.209	5.096.535.147

5.15 Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.273.564.656	(7.147.036.253)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.273.564.656	-
<i>Chuyển lỗ</i>	2.273.564.656	-
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

5.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.273.564.656	(7.147.908.990)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.273.564.656	(7.147.908.990)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	455	(1.430)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-CTCK

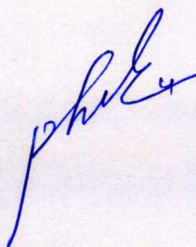
6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
			VND
Ban Giám đốc		Lương, thưởng	304.187.914

6.2 Số liệu so sánh

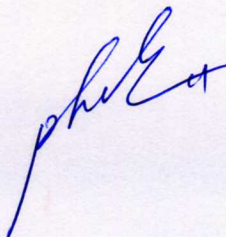
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam.

Người lập



Phạm Thị Chiến

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Việt Hà